TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-9-2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Nhung;
Bà Trần Thị Hoài.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Chẩu Văn Th, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ tại: Thôn Bản Xám, xã Bạch N, tỉnh Tuyên Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 /11/2024, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Chị và anh Chẩu Văn Th trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã Bạch N, tỉnh Tuyên Q) vào ngày 24/02/2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm, cách sống, cách nghĩ khác nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, anh Th còn đánh

đập chị nhiều lần, có lần anh Th cầm dao đuổi dọa giết chị nhưng may có người can ngăn. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được chính quyền thôn tiến hành hòa giải và hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, không thể khắc phục được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chẩu Văn Th.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Chẩu Trần T, sinh ngày 06/11/2008 và cháu Chẩu Trọng T, sinh ngày 09/07/2010. Hiện nay các cháu đang ở với chị T tại thôn Bản X, xã Bạch N, tỉnh Tuyên Q. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu T cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Chẩu Văn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/3/2025 bị đơn anh Chẩu Văn Th có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Đơn xin gia hạn với nội dung:

Anh Th đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, xác nhận việc đăng ký kết hôn, thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh Th cho rằng: Tháng 12/2015 có Công ty tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng H lên H tuyển dụng công nhân, hai vợ chồng anh có bàn nhau anh ở nhà làm việc nuôi con, cho chị T đi làm công nhân kiếm tiền về cải thiện cuộc sống gia đình. Nhưng từ năm 2015, khi chị T đi làm công nhân cho công ty Hồng H đến nay chị T không thường xuyên về nhà, không quan tâm đến chồng con nữa. Đến cuối năm 2024 chị T làm đơn ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án cho anh thời gian để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh Th xác nhận anh chị 02 con chung là cháu Chẩu Trần T, sinh ngày 06/11/2008 và cháu Chẩu Trọng T, sinh ngày 09/07/2010. Đối với yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, công nợ chung của nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến và nêu quan điểm cụ thể.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn không đến Tòa án mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, các đương sự và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Lưu Thị T và anh Chẩu Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị T và anh Chẩu Văn Th ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Chẩu Trần T, sinh ngày 06/11/2008 và cháu Chẩu Trọng T, sinh ngày 09/07/2010 cho chị Lưu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Chẩu Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo của đương sự giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Lưu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chẩu Văn Th. Anh Th hiện đang cư trú tại thôn Bản X xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H (nay là xã Bạch N, tỉnh Tuyên Q). Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lưu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Chẩu Văn Th vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Chẩu Văn Th xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H (nay là UBND xã Bạch N, tỉnh Tuyên Q) vào ngày 24/02/2007, do đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống gia đình mỗi người có quan điểm, cách sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và có lần đã xảy ra bạo lực gia đình. Mâu thuẫn đã được chính quyền thôn và hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của chị T, anh Th không được hòa hợp, xảy ra bạo lực gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, đã sống ly thân và không còn quan tâm đến

nhau nữa. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị được ly hôn với anh Chẩu Văn Th.

[4] Về con chung: Khi ly hôn, nguyên đơn chị Lưu Thị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Chẩu Trần T, sinh ngày 06/11/2008 và cháu Chẩu Trọng T, sinh ngày 09/07/2010, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn; cháu T, cháu T đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị Lưu Thị T. HĐXX xét thấy: Cháu T và cháu T hiện nay đang sinh sống ổn định cùng với mẹ, việc giao cháu T và cháu T cho chị T nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các cháu là được chung sống cùng với mẹ để được chăm sóc, học tập và phát triển một cách bình thường. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với HĐXX nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Lưu Thị T và anh Chẩu Văn Th.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Chẩu Văn Th.

3. Về con chung: Giao cháu Chẩu Trần T, sinh ngày 06/11/2008 và cháu Chẩu Trọng T, sinh ngày 09/7/2010 cho chị Lưu Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Chẩu Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh Th và chị T có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị Lục Thị Thúy N nộp thay theo biên lai thu số 0001295 ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tuyên Quang).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Bạch N *(02 bản, 01 bản niêm yết tại UBND xã)*;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phúc